

# NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ NGUY CƠ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH PHÁT SINH VÀ LÂY LAN HỘI CHỨNG RỐI LOẠN HÔ HẤP VÀ SINH SẢN Ở LỢN (PRRS) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

*Trịnh Đình Thâu<sup>1</sup>, Phạm Văn Ly<sup>2</sup>*

## TÓM TẮT

Tình hình dịch bệnh PRRS ở tỉnh Thái Bình đã được khảo sát tại một số xã thuộc các huyện: (Vũ Thư, Kiến Xương và TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình) bằng phương pháp xử lý số liệu lưu trữ và điều tra, phỏng vấn các chủ hộ chăn nuôi. Kết quả khảo sát cho thấy trong năm 2013, tỉnh Thái Bình có 528 lợn mắc PRRS, chiếm 0,05% tổng đàn lợn của tỉnh, trong đó số lợn chết là 104 con, chiếm 19,70% số lợn bệnh. Nghiên cứu đã xác định được 7 yếu tố nguy cơ làm phát sinh và lây lan PRRS với các giá trị OR từ 2,10 đến 3,05, bao gồm: Trang trại nuôi lợn có đường giao thông chính đi qua hay gần khu vực chợ buôn bán gia súc, gia cầm sống; lợn nuôi không được tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác; nguồn gốc con giống không rõ ràng; chuồng trại nuôi không sử dụng thuốc sát trùng, vệ sinh tiêu độc định kỳ; sử dụng nước ao hồ công cộng để chăn nuôi trong thời gian có dịch; người nuôi bán chạy lợn trong thời gian có dịch.

*Từ khóa:* Lợn, PRRS, Tình hình dịch bệnh, Yếu tố nguy cơ, Tỉnh Thái Bình

## Study on some risky factors affecting the spread of PRRS epidemic in Thai Binh province

*Trinh Dinh Thau, Pham Van Ly*

## SUMMARY

Situation of PRRS epidemic in Thai Binh province was surveyed at some representative communes of Vu Thu and Kien Xuong districts, Thai Binh province. The study was carried out by analyzing the secondary data and conducting the survey through interviewing the pig raising farmers. The surveyed results showed that in 2013, there were 528 PRRS infection pigs accounting for 0.05% of total pig number in the province. Of which, the number of dead pigs were 104, accounting for 19.70% of the infection pigs. There were 7 risky factors associating with the spread of PRRS epidemic with OR value from 2.10 to 3.05 identified. These factors including: The farms had the main roads passing or located closely to the alive poultry/animal markets; The pigs were not vaccinated for other dangerous diseases; The piglet origin was not clear; The disinfectants were not used for routine disinfection in the farms; The water from community ponds/reservoirs was used in the farms during PRRS outbreak period; The farmers sold the pigs illegally in the areas and periods that PRRS was being outbroken.

*Keywords:* Pig, PRRS, Infection rate, Risky factor, Thai Binh province.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản ở lợn (PRRS), hay còn gọi là bệnh tai xanh, là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, lây lan nhanh và

làm chết nhiều lợn. Nguyên nhân gây bệnh do virus PRRS, làm thiệt hại kinh tế lớn cho ngành chăn nuôi. Ở Việt Nam từ tháng 3/2007 đến nay, bệnh đã trở thành đại dịch tại nhiều địa phương và làm tổn thất lớn về kinh tế cho người chăn nuôi, trong đó phải kể đến tỉnh Thái Bình (Cục Thú y, 2008, 2009, 2010, 2011).

<sup>1</sup> Học viện Nông nghiệp Việt Nam

<sup>2</sup> Chi cục Thú y tỉnh Thái Bình

Trong những năm gần đây, đàn lợn của tỉnh Thái Bình phát triển khá mạnh cả về tốc độ và giá trị sản xuất. Tuy nhiên, dịch bệnh đã làm nhiều lợn ốm, chết. Do vậy việc nghiên cứu, tìm hiểu về hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản ở lợn có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết trong quá trình phòng chống dịch bệnh đạt hiệu quả, giảm thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Mục đích của nghiên cứu này, nhằm xác định được tình hình dịch bệnh PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013 và đánh giá các yếu tố nguy cơ gây bùng phát bệnh tai xanh trên đàn lợn tại địa bàn nghiên cứu.

## II. NỘI DUNG, VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Nội dung nghiên cứu

Tình hình dịch bệnh PRRS ở lợn tại tỉnh Thái Bình năm 2013.

Đánh giá các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến quá trình phát sinh và lây lan bệnh PRRS ở lợn trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2013.

Đề tài được tiến hành từ tháng 8/2013 đến tháng 7/2014 tại xã Vũ Vân, Vũ Đoài (huyện Vũ Thư), xã Phú Xuân (thành phố Thái Bình), xã Vũ Hòa (huyện Kiến Xương).

### 2.2 Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

#### 2.2.1 Vật liệu

- Số liệu điều tra về tình hình chăn nuôi lợn và tình hình dịch bệnh PRRS ở lợn, được thu thập thông qua các tài liệu lưu trữ của Cục thống

kê, Chi cục thú y, Trạm thú y (số liệu thứ cấp) về các chỉ tiêu: tổng số lợn, số lợn ốm, số lợn chết và tiêu hủy do PRRS.

#### 2.2.2 Phương pháp nghiên cứu

- Dùng bảng hỏi (phiếu điều tra) để điều tra các hộ chăn nuôi; kết hợp phỏng vấn cán bộ thú y cơ sở để thu thập thêm thông tin.

- Đánh giá các yếu tố nguy cơ có ảnh hưởng đến quá trình phát sinh và lây lan bệnh PRRS ở lợn trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2013:

- + Gần đường giao thông chính.
- + Gần chợ buôn bán giết mổ động vật và sản phẩm động vật.
- + Không tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.
- + Nguồn gốc con giống không rõ ràng.
- + Không sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh tiêu độc định kỳ.
- + Sử dụng nước ao hồ công cộng để chăn nuôi lợn.
- + Bán chạy lợn.
- Xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2007 các dữ liệu để biết được số hộ chăn nuôi lợn mắc bệnh và không mắc bệnh PRRS.

- Sử dụng phần mềm Epicalc 2000 để xác định yếu tố nguy cơ có liên quan hay không liên quan đến việc phát sinh và lây lan dịch bệnh PRRS theo phương pháp nghiên cứu bệnh chứng hay hồi cứu (*case-control studies*),

| Nhân tố                 | Bệnh       |            | Tổng số            |
|-------------------------|------------|------------|--------------------|
|                         | Có mắc     | Không mắc  |                    |
| Có yếu tố nguy cơ       | a          | b          | a+b                |
| Không có yếu tố nguy cơ | c          | d          | c+d                |
| <b>Tổng số</b>          | <b>a+c</b> | <b>b+d</b> | <b>a+b+c+d = N</b> |

Sử dụng phép thử  $\chi^2$  (khi bình phương) (Chi-square) để có kết luận về mối liên quan

giữa yếu tố nguy cơ và số hộ có lợn mắc bệnh.

### III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thái Bình năm 2013.

#### 3.1 Tình hình dịch bệnh PRRS ở lợn tại

Kết quả được trình bày ở bảng 1.

**Bảng 1. Tình hình dịch bệnh PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013**

| TT             | Huyện/Thành  | Tổng số lợn (con) | Số lợn ốm (con) | Tỷ lệ (%)   | Số chết, xử lý (con) | Tỷ lệ (%)    |
|----------------|--------------|-------------------|-----------------|-------------|----------------------|--------------|
| 1              | Đông Hưng    | 180.253           | 0               | 0,00        | 0                    | 0,00         |
| 2              | Hưng Hà      | 164.628           | 0               | 0,00        | 0                    | 0,00         |
| 3              | Kiến Xương   | 151.596           | 129             | 0,09        | 22                   | 17,05        |
| 4              | Quỳnh Phụ    | 156.911           | 0               | 0,00        | 0                    | 0,00         |
| 5              | Thái Thụy    | 107.789           | 0               | 0,00        | 0                    | 0,00         |
| 6              | TP Thái Bình | 40.503            | 138             | 0,34        | 19                   | 13,77        |
| 7              | Tiền Hải     | 92.045            | 0               | 0,00        | 0                    | 0,00         |
| 8              | Vũ Thư       | 167.796           | 261             | 0,16        | 63                   | 24,14        |
| <b>Tổng số</b> |              | <b>1.061.521</b>  | <b>528</b>      | <b>0,05</b> | <b>104</b>           | <b>19,70</b> |

Từ đầu tháng 4/2013, qua triển khai công tác hoạt động kiểm dịch lưu động, kết hợp với giám sát thường xuyên, đã phát hiện dịch bệnh tai xanh trên đàn lợn của 117 hộ chăn nuôi ở 23 thôn thuộc 4 xã: Vũ Hoà (huyện Kiến Xương), Vũ Vân, Vũ Đoài (huyện Vũ Thư) và xã Phú Xuân (thành phố Thái Bình) với tổng số lợn mắc bệnh là 528 con (128 lợn nái, 313 lợn thịt, 87 lợn sữa) trong tổng đàn 1.283 con, số lợn được điều trị khỏi bệnh là 424 con (108 lợn nái, 280 lợn thịt, 36 lợn sữa); số lợn chết và bị tiêu huỷ là 104 con (20 lợn nái, 33 lợn thịt, 51 lợn sữa), chiếm 19,69 % số lợn ốm.

Số lợn ốm do mắc bệnh PRRS năm 2012 là 81 con, số lợn chết và xử lý là 25 con (Chi cục thú y Thái Bình, 2012). Như vậy, so với năm 2012, số lợn ốm do mắc bệnh tai xanh tăng 6,52 lần, số lợn chết và phải xử lý tăng 4,16 lần. Nguyên nhân cơ bản do tỷ lệ tiêm phòng vaccin PRRS trên đàn lợn đạt thấp và do hệ thống giám sát, phát hiện dịch tại cơ sở còn nhiều hạn chế, phát hiện chậm, báo cáo chậm.

#### 3.2 Yếu tố nguy cơ làm ảnh hưởng đến quá

#### trình phát sinh và lây lan dịch bệnh PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013

Việc kiểm soát các yếu tố nguy cơ ở các hộ chăn nuôi rất quan trọng và cần phải được triển khai thường xuyên, nhằm kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh. Mặt khác, công tác kiểm dịch, vận chuyển cần được chú trọng hơn và khắc phục những tồn tại, bất cập hiện nay để ngăn chặn virus PRRS lây lan và gây bệnh do vận chuyển gia súc mang trùng.

Chúng tôi tiến hành thu thập thông tin điều tra theo biểu mẫu, sau khi có thống kê số liệu theo các yếu tố phân tích, kết quả về ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ đến việc làm phát tán và lây lan dịch bệnh PRRS tại Thái Bình năm 2013 được phân tích như sau:

##### 3.2.1 Gần đường giao thông chính

Chúng tôi điều tra 120 hộ chăn nuôi lợn, trong đó mỗi liên hệ giữa số hộ chăn nuôi lợn có dịch PRRS và không có dịch PRRS với yếu tố có khu vực chăn nuôi gần đường giao thông chính được thể hiện qua bảng 2.

**Bảng 2. Kết quả điều tra về mối liên hệ giữa yếu tố đường giao thông chính và số hộ chăn nuôi có dịch PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013**

|                                              |                 | Có dịch PRRS | Không có dịch PRRS | Tổng hàng  | P             | OR   |
|----------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|------------|---------------|------|
| Khu vực chăn nuôi gần đường giao thông chính | Hộ có           | 27           | 15                 | 42         | 0,021637<0,05 | 2,45 |
|                                              | Hộ không        | 33           | 45                 | 78         |               |      |
|                                              | <b>Tổng cột</b> | <b>60</b>    | <b>60</b>          | <b>120</b> |               |      |

Bảng 2 cho thấy  $p = 0,021637 < 0,05$ , bác bỏ  $H_0$ . Các hộ chăn nuôi lợn gần đường giao thông chính có liên quan và làm tăng nguy cơ mắc bệnh PRRS ở lợn tại Thái Bình gấp 2,45 lần (95% CI 1,13-5,33) so với những hộ không có đường giao thông đi qua.

### 3.2.2 Chăn nuôi gần chợ buôn bán gia súc,

### gia cầm sống

Qua điều tra trực tiếp, chúng tôi đã thống kê được mối liên quan giữa các hộ chăn nuôi gần chợ buôn bán gia súc, gia cầm sống với việc lợn mắc bệnh PRRS tại các hộ chăn nuôi tỉnh Thái Bình năm 2013, kết quả thể hiện qua bảng 3.

**Bảng 3. Kết quả điều tra về mối liên hệ giữa yếu tố gần chợ buôn bán gia súc, gia cầm sống và số hộ chăn nuôi có dịch PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013**

|                                                          |                 | Có dịch PRRS | Không có dịch PRRS | Tổng hàng  | P             | OR   |
|----------------------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|------------|---------------|------|
| Khu vực chăn nuôi gần chợ buôn bán gia súc, gia cầm sống | Hộ có           | 33           | 21                 | 53         | 0,043164<0,05 | 2,12 |
|                                                          | Hộ không        | 28           | 39                 | 67         |               |      |
|                                                          | <b>Tổng cột</b> | <b>60</b>    | <b>60</b>          | <b>120</b> |               |      |

Bảng 3 cho thấy  $p = 0,043871 < 0,05$ , vì vậy bác bỏ  $H_0$ . Việc các hộ chăn nuôi gần khu vực chợ buôn bán gia súc, gia cầm sống có liên quan và làm tăng nguy cơ mắc bệnh PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013 lên gấp 2,12 lần (CI: 1,02 - 4,42) so với các hộ chăn nuôi cách xa khu vực buôn bán gia súc gia cầm sống.

### 3.2.3 Không tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác

PRRS là một trong những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và lây lan nhanh ở lợn mọi lứa tuổi. Để khẳng định việc tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm khác (như dịch tả lợn, phó thương hàn, tụ huyết trùng, đóng dấu...) có liên quan đến việc làm phát sinh và lây lan bệnh PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013, chúng tôi tiến hành điều tra và phân tích mối liên quan này. Kết quả được thể hiện ở bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả điều tra về mối liên hệ giữa việc không tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác và số hộ chăn nuôi có dịch PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013**

|                                                 |                 | Có dịch PRRS | Không có dịch PRRS | Tổng hàng  | P             | OR   |
|-------------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|------------|---------------|------|
| Tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác | Hộ có           | 34           | 19                 | 45         | 0,005826<0,05 | 2,82 |
|                                                 | Hộ không        | 26           | 41                 | 75         |               |      |
|                                                 | <b>Tổng cột</b> | <b>60</b>    | <b>60</b>          | <b>120</b> |               |      |

Kết quả bảng 4 cho biết  $p = 0,005826 < 0,05$ , bác bỏ  $H_0$ . Như vậy, việc các hộ chăn nuôi lợn không tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác có liên quan và làm tăng nguy cơ lây lan và phát sinh dịch PRRS ở lợn tại Thái Bình lên 2,82 lần so với các hộ tiêm phòng đầy đủ (95% CI 1,34-5,95).

Đợt dịch này của Thái Bình xảy ra vào tháng 4 năm 2013. Do điều kiện thời tiết bất lợi (thời tiết lúc chuyển mùa) kết hợp với việc không tiêm phòng đầy đủ vacxin các bệnh truyền nhiễm làm tăng nguy cơ mắc bệnh PRRS khi gia súc tiếp xúc với mầm bệnh.

#### 3.2.4 Nguồn gốc con giống không rõ ràng

**Bảng 5. Kết quả điều tra về mối liên hệ giữa việc sử dụng nguồn gốc con giống không rõ ràng và số hộ chăn nuôi có dịch PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013**

|                                   |                 | Có dịch PRRS | Không có dịch PRRS | Tổng hàng  | P             | OR   |
|-----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|------------|---------------|------|
| Nguồn gốc con giống không rõ ràng | Hộ có           | 35           | 19                 | 54         | 0,003326<0,05 | 3,02 |
|                                   | Hộ không        | 25           | 41                 | 66         |               |      |
|                                   | <b>Tổng cột</b> | <b>60</b>    | <b>60</b>          | <b>120</b> |               |      |

Kết quả bảng 5 cho biết  $p = 0,003326 < 0,05$ , bác bỏ  $H_0$ . Như vậy, việc sử dụng con giống có nguồn gốc không rõ ràng có liên quan và làm tăng nguy cơ lây lan và phát sinh dịch bệnh PRRS ở lợn tại Thái Bình lên 3,02 lần (95% CI 1,43-6,38).

#### 3.2.5 Không sử dụng thuốc sát trùng vệ sinh tiêu độc định kỳ

Việc sử dụng thuốc sát trùng để VSTD định kỳ ngày càng được người chăn nuôi quan tâm sử dụng và coi đó là một việc không thể thiếu trong nghề chăn nuôi của mình. Tuy nhiên, việc sử dụng thuốc sát trùng định kỳ lại chưa được các hộ chăn nuôi có quy mô nhỏ lễ quan tâm, chỉ có các trang trại, gia trại quy mô lớn mới chú trọng công tác này. Nguyên nhân một phần do tâm lý chủ quan của người chăn nuôi nhỏ lẻ. Chúng tôi quy ước, hộ chăn nuôi sử dụng thuốc khử trùng để vệ sinh tiêu độc trong và ngoài chuồng trại

Nguyên nhân do giá con giống cao và chưa chủ động được con giống, nên hầu hết các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ đều mua con giống có xuất xứ không rõ ràng. Một số ít hộ chăn nuôi có lợn nái sinh sản đã tự chủ động được con giống để chăn nuôi.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi quy định gia súc có nguồn gốc rõ ràng là những gia súc: đã nuôi tại hộ gia đình trên 2 tháng, giống của gia đình có lợn nái sinh ra, giống mua trong địa phương (cùng xã) hoặc gia súc được mua có nguồn gốc rõ ràng (có chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y). Kết quả được thể hiện ở bảng 5.

định kỳ một tuần/lần được coi là hộ có sử dụng, còn lại là hộ không sử dụng.

Khi điều tra, chúng tôi nhận thấy đa số các hộ có dịch chỉ vệ sinh cơ giới chuồng nuôi, không sử dụng hóa chất để vệ sinh tiêu độc định kỳ. Phân và chất thải chăn nuôi không được xử lý. Đối với các hộ không có dịch, việc vệ sinh tiêu độc được rất nhiều hộ thực hiện theo quy trình (định kỳ một tuần phun hóa chất từ 1-2 lần, vệ sinh cơ giới trước khi phun khử trùng tiêu độc).

Số liệu điều tra được thu thập và thống kê theo bảng 6.

Kết quả cho thấy  $p = 0,003204 < 0,05$ , không chấp nhận  $H_0$ . Như vậy, việc các hộ chăn nuôi lợn không sử dụng thuốc sát trùng để VSTD định kỳ có liên quan và làm tăng nguy cơ phát sinh và lây lan dịch PRRS ở lợn gấp 3,05 lần (95% CI 1,44-6,47).

**Bảng 6. Kết quả điều tra mối liên hệ giữa việc không sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh tiêu độc định kỳ và số hộ chăn nuôi có dịch PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013**

|                                                  |                 | Có dịch PRRS | Không có dịch PRRS | Tổng hàng  | P               | OR   |
|--------------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|------------|-----------------|------|
| Sử dụng thuốc sát trùng vệ sinh tiêu độc định kỳ | Hộ có           | 34           | 18                 | 52         | 0,003204 < 0,05 | 3,05 |
|                                                  | Hộ không        | 26           | 42                 | 68         |                 |      |
|                                                  | <b>Tổng cột</b> | <b>60</b>    | <b>60</b>          | <b>120</b> |                 |      |

### 3.2.6 Sử dụng nước ao hồ công cộng để chăn nuôi lợn

Ở Thái Bình, hầu hết các xã đều có ao hồ, đặc biệt xã Vũ Vân. Nhiều hộ xây chuồng trại gần ao hồ công cộng, trồng và sử dụng rau bèo của các ao hồ cho lợn ăn. Các hộ chăn nuôi thường xuyên sử dụng nước ao để rửa chuồng, máng ăn, nấu cám và thậm chí cho lợn uống trực tiếp. Thời gian có dịch, các hộ chăn nuôi

vẫn duy trì thói quen đó trong chăn nuôi. Nhận thấy đây cũng là một yếu tố nguy cơ chính làm lây lan dịch PRRS. Vì vậy, chúng tôi tiến hành điều tra và phân tích yếu tố nguy cơ này với giả thuyết  $H_0$ : không có sự liên quan giữa việc sử dụng nước ao hồ công cộng trong chăn nuôi đến số hộ chăn nuôi có lợn mắc bệnh PRRS ở Thái Bình. Kết quả phân tích thể hiện trong bảng 7.

**Bảng 7. Kết quả điều tra về mối liên hệ giữa việc sử dụng nước ao hồ công cộng và số hộ chăn nuôi có dịch PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013**

|                                               |                 | Có dịch PRRS | Không có dịch PRRS | Tổng hàng  | P               | OR   |
|-----------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|------------|-----------------|------|
| Sử dụng nước ao hồ công cộng để chăn nuôi lợn | Hộ có           | 32           | 21                 | 53         | 0,043164 < 0,05 | 2,12 |
|                                               | Hộ không        | 28           | 39                 | 67         |                 |      |
|                                               | <b>Tổng cột</b> | <b>60</b>    | <b>60</b>          | <b>120</b> |                 |      |

Kết quả cho thấy: có 32 hộ sử dụng nước ao hồ công cộng để chăn nuôi và có lợn mắc bệnh PRRS, 28 hộ không sử dụng vẫn có lợn bị mắc bệnh PRRS. 21 hộ sử dụng nước ao hồ công cộng chăn nuôi nhưng không có lợn mắc bệnh PRRS, 39 hộ không sử dụng nước ao hồ công cộng để chăn nuôi và không có lợn mắc bệnh PRRS.

Kết quả phân tích  $p = 0,043164 < 0,05$ , không chấp nhận giả thuyết  $H_0$ . Như vậy, việc các hộ sử dụng nước ao hồ công cộng để chăn nuôi trong thời gian có dịch có liên quan và làm tăng nguy cơ phát sinh và lây lan dịch PRRS gấp 2,12 lần (95% CI 1,02-4,42).

### 3.2.7 Bán chạy lợn khi đang có dịch

Quá trình điều tra, chúng tôi thấy nhiều hộ chăn nuôi biết có dịch PRRS, khi chưa chắc chắn lợn nhà mình có bị bệnh hay không, đã bằng mọi cách bán chạy đàn lợn, một số hộ còn giết thịt để việc vận chuyển và tiêu thụ được dễ dàng hơn. Vì vậy, đây là nguyên nhân khiến cho tình hình dịch bệnh nghiêm trọng hơn, do mức độ phát tán mầm bệnh nhanh và rộng. Tiến hành điều tra phân tích để xác định việc bán chạy lợn mắc bệnh PRRS có phải là yếu tố nguy cơ làm phát sinh và lây lan dịch PRRS trên địa bàn tỉnh Thái Bình hay không. Kết quả được trình bày ở bảng 8.



**Bảng 8. Kết quả điều tra về mối liên hệ giữa việc bán chạy lợn khi có dịch và số hộ chăn nuôi có dịch PRRS ở lợn tại Thái Bình năm 2013**

|                               |                 | Có dịch PRRS | Không có dịch PRRS | Tổng hàng  | P             | OR   |
|-------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|------------|---------------|------|
| Bán chạy lợn khi đang có dịch | Hộ có           | 34           | 23                 | 57         | 0,044343<0,05 | 2,10 |
|                               | Hộ không        | 26           | 37                 | 63         |               |      |
|                               | <b>Tổng cột</b> | <b>60</b>    | <b>60</b>          | <b>120</b> |               |      |

Kết quả phân tích số liệu cho giá trị  $p = 0,044343 < 0,05$ , vì vậy không chấp nhận giả thuyết  $H_0$ . Việc các hộ bán chạy lợn trong thời gian có dịch có liên quan và làm tăng nguy cơ phát sinh và lây lan dịch PRRS gấp 2,10 lần (95% CI 1,01-4,36).

#### IV. KẾT LUẬN

Tại Thái Bình năm 2013, số lợn ốm do mắc bệnh PRRS là 528 con, chiếm 0,05% tổng số lợn của cả tỉnh; số lợn chết và xử lý là 104 con, chiếm 19,70%.

Nghiên cứu đã xác định được 7 yếu tố nguy cơ làm phát sinh và lây lan hội chứng PRRS ở lợn trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2013 bao gồm: có đường giao thông chính đi qua; hộ chăn nuôi gần khu vực chợ buôn bán gia súc, gia cầm sống; các hộ chăn nuôi lợn không tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; nguồn gốc con giống không rõ ràng; các hộ chăn nuôi lợn không sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh tiêu độc định kỳ; sử dụng nước ao hồ công cộng để chăn nuôi trong thời gian có dịch; bán chạy lợn trong thời gian có dịch.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Benfield D.Christopher-Hennings J.Nelson E., (1997) "Persistent fetal infection of porcine reproductive and respiratory syndrome (PRRS) virus". Proceedings of the American Association of Swine Veterinarians
- Bierk M.Deer S. and Rossow K. (2001) "Transmission of porcine reproductive and respiratory syndrome virus from persistently infected sows to contact controls". *Can J Vet Res*
- Chang C. Chung W. and Lin M. (1993). "Porcine reproductive and respiratory syndrome (PRRS) in Taiwan. I. Viral isolation". *J Chin Soc Vet Sci*
- Cục Thú y (2008) "Báo cáo tổng kết công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2007.
- Cục Thú y (2009) Báo cáo tổng kết công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2008.
- Cục Thú y (2010) Báo cáo tổng kết công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2009.
- Cục Thú y (2011) Báo cáo tổng kết công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2010.
- Chi cục Thú y Thái Bình (2012), Báo cáo tổng kết công tác năm 2012.
- Chi cục Thú y Thái Bình (2013), Báo cáo tổng kết năm 2013.

Nhận ngày 14-10-2016

Phản biện ngày 12-11-2016